TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Dương Thị Hoàng | An | 21122474 | 15/08/2003 | 7.30 | x | |
| 2 | Lê Trần Xuân | An | 21112002 | 01/01/2003 | 6.60 | x | |
| 3 | Lưu Thị Truyền | An | 20122002 | 11/11/2002 | 7.30 | x | |
| 4 | Nguyễn Đặng Đức | An | 21125001 | 20/11/2003 | 4.10 | | |
| 5 | Nguyễn Đoàn Kiều | An | 21116109 | 24/11/2003 | 6.40 | x | |
| 6 | Nguyễn Thúy | An | 20125001 | 09/05/2002 | 7.90 | x | |
| 7 | Bùi Thị Thảo | Anh | 22123004 | 08/09/2004 | 6.30 | x | |
| 8 | Dương Quốc | Anh | 20116169 | 15/11/2002 | 5.00 | x | |
| 9 | Hoàng Kim | Anh | 20122241 | 13/10/2002 | 7.30 | x | |
| 10 | Ngô Lan | Anh | 18111003 | 24/10/2000 | 5.00 | x | |
| 11 | Nguyễn Lê Ngọc Lan | Anh | 20125318 | 24/01/2002 | 5.60 | x | |
| 12 | Nguyễn Thị Kim | Anh | 21122480 | 11/03/2003 | 7.40 | x | |
| 13 | Nguyễn Thị Minh | Anh | 20122007 | 25/08/2002 | 7.90 | x | |
| 14 | Nguyễn Thị Ngọc | Anh | 21135244 | 07/08/2003 | 6.10 | x | |
| 15 | Trần Đặng Tuấn | Anh | 18112014 | 01/10/2000 | 8.10 | x | |
| 16 | Trần Thị Thúy | Anh | 21139233 | 14/11/2003 | 6.00 | x | |
| 17 | Vương Quốc | Anh | 21122485 | 25/06/2003 | 2.60 | | |
| 18 | Chu Thị Hoàng | Ánh | 21122486 | 30/10/2003 | 6.10 | x | |
| 19 | Nguyễn Thị | Ánh | 21123212 | 26/03/2003 | 6.00 | x | |
| 20 | Trần Hồng | Ánh | 20125326 | 06/03/2002 | 6.00 | x | |
| 21 | Hứa Văn | Bảnh | 20116174 | 08/01/2002 | 5.60 | x | |
| 22 | Ngô Hùng Thế | Bảo | 22112024 | 28/06/2004 | 7.90 | x | |
| 23 | Nguyễn Thiên | Bảo | 21122021 | 12/05/2003 | 7.30 | x | |
| 24 | Trần Gia | Bảo | 18139011 | 25/04/2000 | 7.80 | x | |
| 25 | Nguyễn Thị Ngọc | Bích | 21111014 | 20/04/2003 | 6.60 | x | |
| 26 | Nguyễn Võ Nam | Bình | 17555003 | 19/01/1999 | 7.10 | x | |
| 27 | Nguyễn Thanh | Cảnh | 19126016 | 22/09/2001 | 5.00 | x | |
| 28 | Hàng A | Châu | 20125339 | 23/03/2002 | 7.30 | x | |
| 29 | Nguyễn Minh | Châu | 17131010 | 14/07/1999 | 7.90 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 30 | Đoàn Hải | Châu | 22112030 | 01/11/2004 | 5.50 | x | |
| 31 | Võ Thị Trương | Chi | 21125048 | 06/10/2003 | 5.60 | x | |
| 32 | Nguyễn | Chí | 20122259 | 02/08/1999 | 6.40 | x | |
| 33 | Huỳnh Công | Chiến | 20126197 | 14/04/2002 | 8.40 | x | |
| 34 | Đoàn Minh | Chiến | 19112017 | 09/01/2001 | 8.60 | x | |
| 35 | Lượng Trường | Chinh | 22145009 | 19/05/2004 | 7.10 | x | |
| 36 | Đỗ Chí | Công | 20124275 | 22/02/2002 | 5.50 | x | |
| 37 | Bùi Trần Huy | Cương | 21155068 | 11/03/2003 | 6.60 | x | |
| 38 | Lâm Tuấn | Cường | 20125344 | 26/12/2002 | 8.30 | x | |
| 39 | Nguyễn Thị Thảo | Dân | 21135019 | 19/09/2003 | 6.10 | x | |
| 40 | Hồ Công | Danh | 21120345 | 27/07/2003 | 6.10 | x | |
| 41 | Lê Thị Kiều | Diễm | 20125354 | 17/01/2002 | 8.40 | x | |
| 42 | Nguyễn Thị Yến | Diễm | 20122622 | 16/04/2002 | 8.90 | x | |
| 43 | Võ Thị Ngọc | Diệu | 20125358 | 01/10/2002 | 8.40 | x | |
| 44 | Cao Nguyễn Thùy | Dương | 20125367 | 23/10/2002 | 6.10 | x | |
| 45 | Ngô Thị Thùy | Dương | 20139197 | 02/11/2002 | 5.00 | x | |
| 46 | Nguyễn Thiện | Dương | 19113035 | 20/03/2001 | 6.50 | x | |
| 47 | Nguyễn Thị Thùy | Dương | 20139022 | 16/08/2002 | 5.60 | x | |
| 48 | Nguyễn Bích | Du | 21122512 | 02/04/2003 | 5.60 | x | |
| 49 | Nguyễn Trần Phương | Dung | 20139195 | 13/12/2002 | 6.10 | x | |
| 50 | Nguyễn Tấn | Dũng | 21152042 | 18/01/2003 | 5.00 | x | |
| 51 | Dương Hoàng | Duy | 21145018 | 11/02/2003 | 6.10 | x | |
| 52 | Lê Thanh | Duy | 21139265 | 12/01/2003 | 6.40 | x | |
| 53 | Nguyễn Thái | Duy | 20138081 | 21/12/2002 | 7.40 | x | |
| 54 | Trần Nhật | Duy | 19126034 | 26/12/2001 | 6.60 | x | |
| 55 | Lê Thị Mỹ | Duyên | 22155023 | 29/08/2004 | 6.10 | x | |
| 56 | Nguyễn Hà Mỹ | Duyên | 20122290 | 14/06/2002 | 6.60 | x | |
| 57 | Nguyễn Thị Kiều | Duyên | 20120179 | 25/09/2002 | 7.60 | x | |
| 58 | Vương Hoàng Mỹ | Duyên | 22124046 | 30/07/2004 | 6.10 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 59 | Phạm Văn Mới | Em | 21113175 | 26/10/2003 | 7.60 | x | |
| 60 | Phạm Duy An | Ghi | 21111029 | 10/07/2003 | 2.00 | | |
| 61 | Bùi Đặng Hương | Giang | 20124294 | 10/05/2002 | 6.60 | x | |
| 62 | Ngô Thị Huỳnh | Giang | 21125526 | 13/04/2003 | 3.10 | | |
| 63 | Nguyễn Thị Kim | Hân | 20125390 | 05/10/2002 | 9.30 | x | |
| 64 | Nguyễn Thị Ngọc | Hân | 20128175 | 27/04/2002 | 7.90 | x | |
| 65 | ĐINH GIA | HÂN | 23122058 | 03/11/2005 | 8.80 | x | |
| 66 | Phạm Trung | Hậu | 21155091 | 01/02/2002 | 5.00 | x | |
| 67 | Nguyễn Bảo Thanh | Hằng | 21120381 | 16/01/2003 | 6.00 | x | |
| 68 | Nguyễn Thị Kim | Hằng | 20125394 | 17/01/2001 | 8.00 | x | |
| 69 | Võ Thị Mỹ | Hằng | 21122543 | 25/11/2003 | 5.50 | x | |
| 70 | Đặng Nguyễn Hồng | Hạnh | 20126241 | 28/07/2002 | 6.10 | x | |
| 71 | Thái Gia | Hạnh | 20138083 | 11/06/2002 | 6.40 | x | |
| 72 | Văn Thị Mỹ | Hạnh | 17120041 | 01/10/1999 | 7.10 | x | |
| 73 | Nguyễn Thị | Hà | 20125384 | 24/10/2002 | 8.30 | x | |
| 74 | Vũ Thụy Hoàng | Hà | 20125388 | 07/10/2002 | 5.00 | x | |
| 75 | Lê Thị | Hào | 21115142 | 22/02/2003 | 4.00 | | |
| 76 | Lê Như | Hảo | 21122548 | 06/05/2003 | 6.30 | x | |
| 77 | Trần Thị Minh | Hảo | 19112057 | 27/08/2001 | 7.30 | x | |
| 78 | Nguyễn Thị Thanh | Hiền | 21139287 | 01/02/2003 | 6.90 | x | |
| 79 | Nguyễn Thúy | Hiền | 22126054 | 31/07/2004 | 7.30 | x | |
| 80 | Võ Thị Thúy | Hiền | 22122103 | 15/04/2004 | 6.50 | x | |
| 81 | Vũ Thanh | Hiền | 22112102 | 11/02/2004 | 3.60 | | |
| 82 | Lê Gia | Hiệp | 21154168 | 24/03/2003 | 6.40 | x | |
| 83 | Lương Thị Mỹ | Hiệp | 20139213 | 09/08/2002 | 6.60 | x | |
| 84 | Phạm Hòa | Hiệp | 21145145 | 10/04/2003 | 5.00 | x | |
| 85 | Võ Thị Ngọc | Hiệp | 22124062 | 31/10/2004 | 6.90 | x | |
| 86 | Hứa Hoàng Hạnh | Hiếu | 20125409 | 09/03/2002 | 5.60 | x | |
| 87 | Lê Văn | Hiếu | 20111194 | 23/01/2002 | 4.10 | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 88 | Phan Công | Hiếu | 21111246 | 17/01/2003 | 3.60 | | |
| 89 | Võ Huỳnh Chí | Hiếu | 21145146 | 15/06/2003 | 6.10 | x | |
| 90 | Nguyễn Như | Hoa | 22155038 | 25/05/2004 | 5.00 | x | |
| 91 | Nguyễn Ngọc Như | Hồng | 21122560 | 26/02/2003 | 4.10 | | |
| 92 | Nguyễn Thị Thu | Hồng | 20139221 | 10/09/2002 | 6.40 | x | |
| 93 | Lâm Bảo | Hoà | 20113247 | 29/10/2002 | 5.50 | x | |
| 94 | Trần Ngọc | Hoài | 20138017 | 16/02/2002 | 7.90 | x | |
| 95 | Trần Kim | Hoàn | 22116027 | 28/08/2004 | 3.50 | | |
| 96 | Lăng Ngọc | Hoàng | 19118072 | 02/04/2001 | 6.10 | x | |
| 97 | Lã Quang | Hòa | 14112113 | 05/12/1996 | 6.60 | x | |
| 98 | Phan Thị Mỹ | Hòa | 20125417 | 17/05/2002 | 7.60 | x | |
| 99 | Lê Quỳnh | Hương | 22123046 | 25/12/2004 | 6.60 | x | |
| 100 | MAI HOA | HƯƠNG | 23126069 | 21/10/2005 | 7.90 | x | |
| 101 | Đặng Hữu Hồng | Hương | 22163008 | 04/06/2004 | 5.50 | x | |
| 102 | Võ Xuân | Hùng | 18111045 | 11/03/2000 | 7.40 | x | |
| 103 | Dương Thiện | Huy | 18127021 | 04/11/2000 | 7.30 | x | |
| 104 | Huỳnh Minh | Huy | 22139027 | 28/06/2004 | 6.40 | x | |
| 105 | Huỳnh Quang | Huy | 21145151 | 25/07/2003 | 8.00 | x | |
| 106 | Lê Quang | Huy | 21120395 | 28/03/2003 | 7.10 | x | |
| 107 | Nguyễn Gia | Huy | 21120396 | 11/01/2003 | 7.00 | x | |
| 108 | Nguyễn Minh | Huy | 19118093 | 30/01/2001 | 5.60 | x | |
| 109 | Đoàn Gia | Huy | 20126256 | 23/09/2002 | 7.40 | x | |
| 110 | Phan Nguyễn Anh | Huy | 20116201 | 15/04/2002 | 7.10 | x | |
| 111 | Trần Gia | Huy | 20111211 | 24/03/2002 | 9.30 | x | |
| 112 | Trần Quang | Huy | 18163015 | 22/12/2000 | 5.30 | x | |
| 113 | Trịnh Thanh | Huy | 18112082 | 10/05/2000 | 5.60 | x | |
| 114 | Trương Vĩnh | Huy | 18153029 | 06/04/2000 | 5.00 | x | |
| 115 | Chế Trần Thanh | Huyền | 20122202 | 11/03/2002 | 6.00 | x | |
| 116 | Liêu Thị Mỹ | Huyền | 20115212 | 21/04/2002 | 3.50 | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 117 | Mai Thị Thanh | Huyền | 20125437 | 08/03/2002 | 4.10 | | |
| 118 | Nguyễn Thanh | Huyền | 21123235 | 01/05/2003 | 5.60 | x | |
| 119 | Nguyễn Thị Ngọc | Huyền | 21126364 | 19/09/2003 | 7.30 | x | |
| 120 | Huỳnh Thị Thúy | Huỳnh | 22122137 | 07/12/2003 | 8.60 | x | |
| 121 | Nguyễn An | Khang | 19113067 | 02/01/2001 | 4.00 | | |
| 122 | Nguyễn Duy | Khang | 19125131 | 21/02/2001 | 7.10 | x | |
| 123 | Huỳnh Quốc | Khánh | 21145158 | 09/11/2003 | 7.40 | x | |
| 124 | Lê Duy | Khánh | 19117033 | 19/09/2001 | 6.60 | x | |
| 125 | NGUYỄN MẠNH | KHIÊM | 23124093 | 05/11/2005 | 2.50 | | |
| 126 | KIỀU GIA | KIỆT | 23113054 | 10/02/2005 | 5.60 | x | |
| 127 | Nguyễn Tuấn | Kiệt | 20125463 | 08/08/2002 | 5.60 | x | |
| 128 | Đỗ Thị Kim | Kính | 20122349 | 12/09/2002 | 5.00 | x | |
| 129 | Võ Duy | Kính | 19155037 | 08/07/2001 | 5.50 | x | |
| 130 | NGUYỄN HUỲNH | KỲ | 23115028 | 26/03/2005 | 3.50 | | |
| 131 | Nguyễn Thị Kim | Lan | 20127116 | 07/05/2002 | 5.00 | x | |
| 132 | Trương Bích | Lài | 21113209 | 04/02/2003 | 6.40 | x | |
| 133 | Lê Hữu | Lễ | 19126082 | 13/04/2001 | 6.90 | x | |
| 134 | Lê Đặng Thị Huệ | Linh | 21135295 | 24/03/2003 | 8.10 | x | |
| 135 | Nguyễn Thị Thùy | Linh | 20124363 | 11/08/2002 | 5.00 | x | |
| 136 | Nguyễn Trúc | Linh | 20149176 | 13/09/2001 | 5.00 | x | |
| 137 | Đinh Thị Thùy | Linh | 17123046 | 15/08/1999 | 6.40 | x | |
| 138 | Đinh Trần Trúc | Linh | 20139245 | 11/09/2002 | 5.00 | x | |
| 139 | Phạm Thị Thùy | Linh | 21123060 | 07/12/2003 | 7.50 | x | |
| 140 | Nguyễn Bình | Lộc | 19118127 | 31/01/2001 | 2.80 | | |
| 141 | Nguyễn Thành | Lợi | 21127114 | 03/12/2003 | 8.00 | x | |
| 142 | Lê Thanh | Long | 21117082 | 28/02/2002 | 7.60 | x | |
| 143 | Bùi Minh | Luân | 20113076 | 03/01/2002 | 3.10 | | |
| 144 | Lê Thị Kiều | Ly | 22123072 | 23/07/2004 | 8.30 | x | |
| 145 | Nguyễn Ngọc | Ly | 22155058 | 01/02/2004 | 5.50 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 146 | Trần Nguyễn Ánh | Ly | 21123246 | 21/01/2003 | 7.30 | x | |
| 147 | PHẠM THỊ THANH | LÝ | 23123052 | 12/05/2005 | 7.50 | x | |
| 148 | Huỳnh Nguyễn Ngọc | Mai | 22126097 | 03/07/2004 | 8.30 | x | |
| 149 | Nguyễn Thị Xuân | Mai | 21149190 | 01/01/2003 | 7.60 | x | |
| 150 | Phan Đức | Mạnh | 21153150 | 25/07/2003 | 4.00 | | |
| 151 | Phạm Quốc | Minh | 20115084 | 24/05/2002 | 5.50 | x | |
| 152 | Huỳnh Thị Hương | Mơ | 20125525 | 25/06/2002 | 7.10 | x | |
| 153 | Huỳnh Tố | My | 22111068 | 28/02/2004 | 6.10 | x | |
| 154 | Lư Trần Tú | My | 20139076 | 07/08/2002 | 7.50 | x | |
| 155 | NGUYỄN THỊ THẢO | MY | 23139047 | 04/10/2005 | 6.40 | x | |
| 156 | Đinh Thảo | My | 22155064 | 27/04/2004 | 5.00 | x | |
| 157 | Trần Thị Uyên | My | 20128211 | 14/02/2002 | 5.50 | x | |
| 158 | Nguyễn Thị Ngọc | Năng | 21155119 | 02/01/2003 | 6.90 | x | |
| 159 | Phạm Hải | Đăng | 20153060 | 30/07/2002 | 5.00 | x | |
| 160 | Phan Đình | Đạt | 18130034 | 15/10/2000 | 5.00 | x | |
| 161 | Trần Tấn | Đạt | 21116132 | 30/08/2003 | 5.00 | x | |
| 162 | Lý Phương | Nam | 15114226 | 24/03/1994 | 6.80 | x | |
| 163 | Nguyễn Đức Phương | Nam | 20113282 | 27/11/2002 | 5.00 | x | |
| 164 | Phạm Hoàng | Nam | 20113283 | 28/10/2002 | 6.90 | x | |
| 165 | Trần Hoài | Nam | 22116060 | 14/08/2004 | 5.50 | x | |
| 166 | Phạm Thị Anh | Đào | 19122019 | 27/07/2001 | 8.10 | x | |
| 167 | Kiều Trịnh Ngọc | Ngân | 20116066 | 12/11/2002 | 6.60 | x | |
| 168 | Nguyễn Đinh Thảo | Ngân | 19126108 | 23/03/2001 | 8.40 | x | |
| 169 | Nguyễn Thị | Ngân | 21155120 | 08/11/2003 | 5.60 | x | |
| 170 | NGUYỄN THỊ KIM | NGÂN | 23123060 | 30/11/2005 | 6.90 | x | |
| 171 | Nguyễn Thị Kim | Ngân | 20128216 | 10/04/2002 | 6.90 | x | |
| 172 | Trần Kim | Ngân | 19124174 | 22/09/2001 | 3.10 | | |
| 173 | Huỳnh Thị Ngọc | Ngà | 22123081 | 02/09/2004 | 6.50 | x | |
| 174 | Nguyễn Thị Quỳnh | Nghi | 20125553 | 17/02/2002 | 6.50 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 175 | TRẦN PHẠM BẢO | NGHI | 23139053 | 07/11/2005 | 7.50 | x | |
| 176 | Trương Huỳnh Phương | Nghi | 21122639 | 25/11/2003 | 6.10 | x | |
| 177 | Nông Văn | Nghị | 20111243 | 02/05/2002 | 7.10 | x | |
| 178 | Võ Đỗ Thị Thanh | Nghĩa | 21122640 | 28/07/2003 | 5.50 | x | |
| 179 | Dương Yến | Ngọc | 22163014 | 29/03/2004 | 9.40 | x | |
| 180 | Đỗ Thị Bích | Ngọc | 20125559 | 08/03/2002 | 8.00 | x | |
| 181 | Trần Lê Thảo | Ngọc | 20125564 | 18/07/2002 | 6.00 | x | |
| 182 | Trần Nguyễn Bảo | Ngọc | 20112300 | 29/07/2002 | 8.40 | x | |
| 183 | Hồ Hải Khôi | Nguyên | 20127084 | 07/11/2002 | 3.50 | | |
| 184 | Phan Thị Phương | Nguyên | 20124414 | 05/08/2002 | 3.50 | | |
| 185 | Đỗ Thị | Nguyệt | 20122422 | 13/03/2002 | 5.00 | x | |
| 186 | Hoàng Đình | Nhân | 17153049 | 09/06/1999 | 7.30 | x | |
| 187 | Nguyễn Thanh | Nhân | 20113299 | 24/01/2002 | 5.00 | x | |
| 188 | Tô Mỹ | Nhân | 20126324 | 17/08/2002 | 8.10 | x | |
| 189 | Lê Thị Thanh | Nhã | 21122211 | 07/09/2003 | 7.10 | x | |
| 190 | Trần Thị Thanh | Nhã | 21135321 | 18/08/2003 | 7.50 | x | |
| 191 | Huỳnh Thị Yến | Nhi | 20122429 | 28/03/2002 | 5.90 | x | |
| 192 | Lê Tuyết | Nhi | 20126325 | 10/06/2002 | 5.50 | x | |
| 193 | Nguyễn Thị Kim | Nhi | 20122432 | 17/06/2002 | 7.00 | x | |
| 194 | Nguyễn Thị Linh | Nhi | 22122248 | 03/08/2004 | 7.90 | x | |
| 195 | Nguyễn Tuyết | Nhi | 22112233 | 17/02/2004 | 5.50 | x | |
| 196 | Trần Thị Băng | Nhi | 19120143 | 28/06/2001 | 6.10 | x | |
| 197 | Trần Thị Yến | Nhi | 20122434 | 16/04/2002 | 6.90 | x | |
| 198 | Võ Ngọc Minh | Nhựt | 21154256 | 13/01/2003 | 4.10 | | |
| 199 | Nguyễn Thị Tuyết | Nhung | 20122450 | 16/01/2002 | 8.60 | x | |
| 200 | Trần Hồng | Nhung | 22123102 | 30/12/2004 | 6.00 | x | |
| 201 | Trương Thanh Phương | Nhung | 22126132 | 02/03/2004 | 5.00 | x | |
| 202 | Lê Thị Chúc | Ni | 20124146 | 11/01/2002 | 6.40 | x | |
| 203 | Ngô Thị Thành | Điểm | 19117013 | 10/01/2001 | 6.90 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 204 | Phạm An | Ninh | 20137099 | 13/02/2002 | 6.90 | x | |
| 205 | Nguyễn Thị Mai | Đình | 22126030 | 01/01/2004 | 5.00 | x | |
| 206 | Ca Hồng | Đoan | 21113014 | 20/02/2002 | 6.10 | x | |
| 207 | Lê Thanh | Đông | 22145015 | 07/08/2004 | 6.60 | x | |
| 208 | Nguyễn Hoàng | Đông | 21154150 | 08/07/2003 | 7.30 | x | |
| 209 | Nguyễn Thị Phương | Oanh | 21155133 | 07/01/2003 | 6.10 | x | |
| 210 | Nguyễn Thị Thu | Phấn | 22155090 | 09/08/2003 | 2.50 | | |
| 211 | Huỳnh Tấn | Phát | 22163017 | 21/09/2004 | 5.00 | x | |
| 212 | Nguyễn Tấn | Phát | 21122671 | 08/08/2003 | 6.50 | x | |
| 213 | Nguyễn Tấn | Phát | 20127131 | 15/04/2002 | 7.60 | x | |
| 214 | Nguyễn Thành | Phát | 18155068 | 10/01/2000 | 6.10 | x | |
| 215 | Phan Tấn | Phát | 21126156 | 18/10/2003 | 5.00 | x | |
| 216 | Trần Hưng | Phát | 21145184 | 22/02/2003 | 7.80 | x | |
| 217 | Voòng Thế | Phát | 20126335 | 03/02/2002 | 7.00 | x | |
| 218 | Trần Đình | Phong | 20126338 | 11/12/2002 | 5.60 | x | |
| 219 | Nguyễn Hoàng Mỹ | Phương | 19139132 | 06/02/2001 | 7.10 | x | |
| 220 | Nguyễn Thị Xuân | Phương | 21155031 | 10/06/2003 | 5.00 | x | |
| 221 | Lê Mỹ | Phước | 21113065 | 03/03/2003 | 7.80 | x | |
| 222 | Huỳnh Hoài | Phụng | 20122463 | 08/12/2002 | 8.60 | x | |
| 223 | Phạm Ngọc | Phụng | 20111268 | 11/03/2002 | 6.90 | x | |
| 224 | Bạch Ngọc | Phú | 18112158 | 12/03/2000 | 6.10 | x | |
| 225 | Đinh Hữu | Phúc | 20111265 | 15/06/2001 | 9.30 | x | |
| 226 | Đỗ Hoàng | Phúc | 22123112 | 15/07/2004 | 3.90 | | |
| 227 | Phạm Quốc | Quân | 18127071 | 13/09/2000 | 7.50 | x | |
| 228 | Võ Lê Minh | Quân | 20126343 | 13/09/2002 | 3.60 | | |
| 229 | Nguyễn Minh | Quang | 20122476 | 25/08/2002 | 7.90 | x | |
| 230 | Phạm Nhan Nhật | Quang | 20111273 | 19/08/2002 | 8.10 | x | |
| 231 | Nguyễn Thế | Quyền | 20154207 | 25/10/2002 | 10.00 | x | |
| 232 | Hồ Thị Tố | Quyên | 19125291 | 26/04/2001 | 9.10 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 233 | Lê Hoàng Mộng | Quyên | 22122300 | 31/01/2004 | 3.00 | | |
| 234 | Võ Ngọc | Quyên | 21155140 | 12/09/2003 | 5.00 | x | |
| 235 | Tạ Thị Diễm | Quỳnh | 22122315 | 14/09/2004 | 6.10 | x | |
| 236 | BIỆN VĂN | SÁNG | 23113106 | 07/03/2005 | 3.10 | | |
| 237 | Nguyễn Thị | Son | 20122483 | 22/03/2002 | 7.90 | x | |
| 238 | Dương Thanh | Tâm | 17125248 | 19/04/1999 | 5.00 | x | |
| 239 | Phan Thanh | Tâm | 20139317 | 27/01/2002 | 6.60 | x | |
| 240 | Nguyễn Duy | Tân | 19125311 | 09/03/2001 | 8.00 | x | |
| 241 | Nguyễn Hoàng Nhựt | Tài | 21139423 | 07/04/2003 | 6.80 | x | |
| 242 | Hồ Anh | Thắng | 22155100 | 15/11/2004 | 5.50 | x | |
| 243 | Lê Quang | Thắng | 20138126 | 06/10/2002 | 6.10 | x | |
| 244 | Nguyễn Quốc | Thắng | 18154114 | 16/12/2000 | 5.00 | x | |
| 245 | Nguyễn Quốc | Thắng | 19154141 | 16/06/2001 | 7.90 | x | |
| 246 | Trương Đức | Thắng | 20112353 | 05/09/2002 | 7.90 | x | |
| 247 | Huỳnh Ngọc | Thạch | 18112186 | 19/06/1999 | 6.10 | x | |
| 248 | Dương Quốc | Thanh | 20131104 | 25/10/2002 | 3.90 | | |
| 249 | Lâm Chí | Thanh | 20112355 | 30/06/2002 | 6.90 | x | |
| 250 | LÊ THỊ THIÊN | THANH | 23112236 | 03/07/2005 | 8.60 | x | |
| 251 | Đặng Hồng | Thanh | 19118213 | 21/01/2001 | 5.50 | x | |
| 252 | Nguyễn Bảo | Thanh | 19154142 | 26/03/2001 | 6.10 | x | |
| 253 | Nguyễn Lê Băng | Thanh | 22155102 | 30/08/2004 | 4.10 | | |
| 254 | Thân Thị Thu | Thanh | 19122357 | 02/01/2001 | 5.00 | x | |
| 255 | Nguyễn Anh | Thao | 20112359 | 16/07/2001 | 7.00 | x | |
| 256 | Dương Bảo | Thái | 19154139 | 31/03/2000 | 6.10 | x | |
| 257 | Trương Văn | Thái | 19153070 | 20/10/2001 | 7.10 | x | |
| 258 | Hà Phương | Thảo | 20125121 | 13/01/2002 | 6.60 | x | |
| 259 | Hồ Thị | Thảo | 20139320 | 30/06/2002 | 3.60 | | |
| 260 | Huỳnh Thị Thu | Thảo | 20116257 | 15/02/2002 | 5.60 | x | |
| 261 | Lưu Thị Ngọc | Thảo | 22155104 | 21/04/2004 | 6.90 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 262 | Nguyễn Thanh | Thảo | 22155105 | 02/01/2004 | 2.00 | | |
| 263 | Nguyễn Thị | Thảo | 20124479 | 20/05/2002 | 3.50 | | |
| 264 | Nguyễn Thị Phương | Thảo | 18125324 | 20/05/2000 | 6.50 | x | |
| 265 | Phan Thị Thu | Thảo | 22155106 | 29/11/2004 | 5.00 | x | |
| 266 | Nguyễn Thị Bích | Thi | 21120244 | 04/12/2003 | 6.00 | x | |
| 267 | Trần Minh | Thiện | 20125697 | 06/09/2002 | 5.50 | x | |
| 268 | Mai Anh | Thư | 20116117 | 22/01/2002 | 7.30 | x | |
| 269 | Nguyễn Minh | Thư | 20120287 | 28/03/2002 | 5.60 | x | |
| 270 | Thái Điền Minh | Thư | 22122371 | 30/06/2004 | 7.40 | x | |
| 271 | Trần Minh | Thư | 21124505 | 29/09/2003 | 7.00 | x | |
| 272 | Nguyễn Thị | Thọ | 20163132 | 15/11/2002 | 3.50 | | |
| 273 | Lương Văn | Thịnh | 20137119 | 16/12/2001 | 2.00 | | |
| 274 | Nguyễn Ngọc | Thịnh | 19131049 | 11/01/2001 | 7.00 | x | |
| 275 | Châu Thừa | Thừa | 17117095 | 11/06/1998 | 3.90 | | |
| 276 | Đoàn Nguyễn Hoài | Thương | 20128279 | 20/07/2002 | 6.90 | x | |
| 277 | Lê Thị Cẩm | Thu | 21149272 | 18/08/2003 | 7.30 | x | |
| 278 | Nguyễn Thị Ngọc | Thu | 20125703 | 31/08/2002 | 8.90 | x | |
| 279 | Nguyễn Thanh | Thuần | 20111299 | 24/09/2002 | 7.90 | x | |
| 280 | Huỳnh Thái | Thuận | 21153073 | 08/06/2003 | 6.90 | x | |
| 281 | Nguyễn Hiền | Thục | 21139452 | 01/06/2003 | 5.00 | x | |
| 282 | Hồ Thị Kim | Thùy | 19120203 | 18/04/2001 | 5.00 | x | |
| 283 | Hồ Thị | Thúy | 22122379 | 04/01/2004 | 3.00 | | |
| 284 | Huỳnh Thị Trang | Thúy | 21115220 | 10/01/2003 | 7.00 | x | |
| 285 | Phùng Thị Cẩm | Thúy | 22122381 | 01/03/2004 | 6.00 | x | |
| 286 | Nguyễn Thị Ngọc | Thủy | 20155153 | 01/09/2001 | 6.10 | x | |
| 287 | Trương Thị Anh | Thuy | 22122378 | 19/12/2004 | 6.10 | x | |
| 288 | Lê Thị Diễm | Thuý | 20126372 | 01/09/2002 | 7.10 | x | |
| 289 | Trần Ngọc | Thy | 22112341 | 01/01/2004 | 5.00 | x | |
| 290 | Tạ Hoàng | Tiến | 22124214 | 14/09/2004 | 4.00 | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 291 | Dương Thị Thủy | Tiên | 21122747 | 01/09/2003 | 7.10 | x | |
| 292 | Nguyễn Nhật | Tiên | 20125735 | 04/04/2002 | 7.40 | x | |
| 293 | Nguyễn Thị Cẩm | Tiên | 21122749 | 22/01/2003 | 7.80 | x | |
| 294 | Nguyễn Thị Mỹ | Tiên | 20125736 | 30/05/2002 | 5.50 | x | |
| 295 | Nguyễn Thanh | Toàn | 21129978 | 03/10/2003 | 7.50 | x | |
| 296 | Trần Đức | Toàn | 20138133 | 21/05/2002 | 8.60 | x | |
| 297 | Huỳnh Thị Mai | Trâm | 21122759 | 04/04/2003 | 6.10 | x | |
| 298 | Lê Thị Bích | Trâm | 22123155 | 17/01/2004 | 5.00 | x | |
| 299 | Đặng Ngọc Bích | Trâm | 21124519 | 05/06/2003 | 8.10 | x | |
| 300 | Nguyễn Bích | Trâm | 21126540 | 31/03/2002 | 7.40 | x | |
| 301 | Nguyễn Thị Bích | Trâm | 20125745 | 18/09/2002 | 7.90 | x | |
| 302 | Phạm Thị Bảo | Trâm | 20149239 | 16/09/2002 | 6.30 | x | |
| 303 | PHAN THỊ BÍCH | TRÂM | 23120194 | 26/02/2005 | 8.80 | x | |
| 304 | Trần Ngọc | Trâm | 18112223 | 09/09/2000 | 2.90 | | |
| 305 | Nguyễn Thảo | Trân | 21122766 | 10/06/2003 | 8.10 | x | |
| 306 | Nguyễn Thị Huyền | Trân | 20125752 | 17/06/2002 | 7.10 | x | |
| 307 | Nguyễn Thị Quế | Trân | 20131060 | 26/08/2002 | 6.30 | x | |
| 308 | Đỗ Khánh | Trân | 20112384 | 07/08/2002 | 6.60 | x | |
| 309 | Phạm Võ Ngọc | Trân | 22112356 | 07/05/2004 | 7.30 | x | |
| 310 | Phan Võ Bảo | Trân | 21124525 | 06/02/2003 | 6.00 | x | |
| 311 | Trần Bảo | Trân | 20123218 | 08/11/2002 | 9.30 | x | |
| 312 | NGUYỄN THỊ MỸ | TRANG | 23123115 | 29/07/2005 | 7.00 | x | |
| 313 | Phạm Thanh | Trang | 20149241 | 02/10/2002 | 6.50 | x | |
| 314 | Võ Thị Thùy | Trang | 20125761 | 31/01/2002 | 7.90 | x | |
| 315 | Vũ Thuỳ | Trang | 22113089 | 03/06/2004 | 5.00 | x | |
| 316 | Phạm Thị Thanh | Trà | 21155159 | 21/11/2003 | 6.60 | x | |
| 317 | Đặng Minh | Trí | 21155167 | 20/12/2003 | 6.00 | x | |
| 318 | Nguyễn Nhựt | Trí | 21154338 | 12/07/2003 | 7.90 | x | |
| 319 | Nguyễn Văn | Trí | 16112371 | 05/02/1998 | 5.50 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 320 | Phạm Minh | Trí | 20154232 | 25/04/2002 | 7.80 | x | |
| 321 | Trương Minh | Triết | 22122418 | 22/12/2004 | 6.80 | x | |
| 322 | Nguyễn Thị Kiều | Trinh | 20138136 | 02/01/2002 | 8.90 | x | |
| 323 | Trần Thị Tú | Trinh | 16114311 | 09/10/1998 | 5.00 | x | |
| 324 | Trịnh Huệ | Trinh | 22112371 | 06/06/2001 | 6.10 | x | |
| 325 | Nguyễn Bá Khánh | Trình | 19126202 | 20/03/2001 | 7.00 | x | |
| 326 | Nguyễn Hữu | Trình | 20113368 | 28/06/2002 | 5.00 | x | |
| 327 | Huỳnh Kim | Trọng | 20145174 | 02/03/2002 | 5.80 | x | |
| 328 | Nguyễn Ngọc | Trọng | 21124532 | 17/10/2003 | 5.00 | x | |
| 329 | Nguyễn Xuân | Trường | 21122794 | 24/02/2003 | 6.10 | x | |
| 330 | Hoàng Văn | Trung | 20138138 | 14/09/2002 | 7.10 | x | |
| 331 | Lê Quốc | Trung | 20111320 | 10/06/2002 | 5.00 | x | |
| 332 | Phạm Thái | Trung | 21138197 | 19/07/2003 | 10.00 | x | |
| 333 | Trần Minh | Trung | 18127064 | 15/10/2000 | 6.40 | x | |
| 334 | Chung Huỳnh Thanh | Trúc | 22129338 | 18/03/2004 | 7.40 | x | |
| 335 | Hồ Thanh | Trúc | 22112374 | 07/02/2003 | 8.40 | x | |
| 336 | Nguyễn Thị Thanh | Trúc | 20125774 | 09/09/2002 | 7.60 | x | |
| 337 | Trần Phạm Nhi | Trúc | 19112208 | 28/06/2001 | 5.50 | x | |
| 338 | Nguyễn Công | Truyền | 20138139 | 13/04/2002 | 7.50 | x | |
| 339 | Nguyễn Quốc | Tuấn | 20116285 | 12/08/2002 | 5.00 | x | |
| 340 | Vũ Văn | Tuấn | 19126216 | 25/07/2001 | 8.50 | x | |
| 341 | Hồng Văn | Tùng | 16126195 | 27/07/1996 | 5.60 | x | |
| 342 | Chung Nguyễn Cẩm | Tú | 20139140 | 20/06/2002 | 5.00 | x | |
| 343 | Trương Thị Bích | Tuyến | 20122642 | 26/04/2002 | 1.00 | | |
| 344 | Nguyễn Quang | Tuyên | 20116286 | 22/07/2002 | 2.00 | | |
| 345 | Nguyễn Lê Tú | Uyên | 21122804 | 06/06/2003 | 3.60 | | |
| 346 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG | UYÊN | 23120215 | 20/04/2005 | 6.00 | x | |
| 347 | Nguyễn Thị Phương | Uyên | 22120213 | 03/09/2004 | 6.00 | x | |
| 348 | Lâm Nguyễn Hải | Vân | 22129354 | 02/11/2004 | 5.00 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt tháng 03 năm 2024

**Môn thi: ACCB**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | NG. SINH | ĐIỂM | Đạt | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 349 | Nguyễn Hồng | Vân | 21155180 | 06/10/2003 | 7.60 | x | |
| 350 | Nguyễn Hữu | Văn | 20131069 | 13/04/2002 | 5.60 | x | |
| 351 | Nguyễn Quốc | Việt | 20122595 | 19/09/2002 | 6.50 | x | |
| 352 | Cai Thành | Vũ | 21153100 | 20/09/2003 | 5.00 | x | |
| 353 | Đỗ Minh | Vũ | 18112253 | 18/09/2000 | 6.60 | x | |
| 354 | Trần Quang | Vũ | 17122211 | 17/01/1999 | 7.90 | x | |
| 355 | Lê Huyền | Vy | 22163026 | 09/11/2004 | 5.60 | x | |
| 356 | Nguyễn Khánh Tường | Vy | 22124254 | 18/10/2004 | 7.60 | x | |
| 357 | Nguyễn Thị Phương | Vy | 21111413 | 19/12/2003 | 3.50 | | |
| 358 | Nguyễn Thị Tường | Vy | 20138152 | 20/10/2002 | 6.50 | x | |
| 359 | Kiều Nữ Kim | Xuyến | 21122823 | 11/06/2003 | 5.50 | x | |
| 360 | Hồ Thị Hải | Yến | 21122828 | 17/02/2003 | 6.60 | x | |
| 361 | Lưu Hải | Yến | 20139386 | 05/05/2002 | 8.30 | x | |
| 362 | Nguyễn Phi | Yến | 21145099 | 26/04/2003 | 5.00 | x | |

TRUNG TÂM TIN HỌC